

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO PHONG
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21/10/2022

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PHONG, TỈNH HÒA BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân: Bà: Kiều Thị Hồng Thủy

Ông Đỗ Quốc Kỳ.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Phong.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXX- ST ngày 18 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST - HNGĐ ngày 06/9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST - HNGĐ ngày 22/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị D** - Sinh năm 1993 (*có mặt*)

Bị đơn: Anh **Bùi Văn T** - Sinh năm 1988 (*có mặt*)

Cùng cư trú tại: Xóm Đầy, xã Thạch Yên, huyện Cao Phong, Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Lập, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình (*nay là xã Thạch Yên*) vào ngày 20/6/2011. Sau khi kết hôn chị chuyển về sống chung tại nhà bố mẹ đẻ của anh T tại Xóm Đầy, xã Thạch Yên, huyện Cao Phong, Hòa Bình. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp nhau, hai bên thường xuyên nảy sinh cãi vã, mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng cũng không thể hàn gắn, bản thân chị đã cho anh T nhiều cơ hội nhưng vợ chồng cũng sống không hạnh phúc. Đã một lần chị D làm đơn ra Tòa án nhân dân huyện Cao Phong đề nghị Tòa giải

quyết ly hôn với ly anh T, sau khi Tòa án hòa giải chị đã suy nghĩ lại và vợ chồng quay về đoàn tụ, Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án, nhưng khi vợ chồng quay về chung sống vẫn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hiện tại chị đang đi làm công nhân khu công nghiệp tại Bắc Giang, anh T cũng đi làm ăn xa, vợ chồng sống ly thân, nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình hết sức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung: Chị D và anh T có 02 con chung, cháu lớn tên là Bùi Mạnh Tường sinh ngày 16/12/2011; cháu thứ hai tên là Bùi Khánh Thương, sinh ngày 09/6/2013. Quan điểm của chị D sau khi ly hôn nguyện vọng của các con muốn ở với ai do con quyết định. Theo như lời khai của các con tại Tòa án nhân dân huyện Cao Phong đều muốn ở với bố, giờ các con đã lớn vì vậy chị tôn trọng quyết định của hai con, đồng ý để anh T nuôi cả hai, anh T chưa đề nghị chị D cấp dưỡng tiền nuôi con, chị đồng ý.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với vợ tên là Bùi Thị D sinh năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Lập vào ngày 20/6/2011 (nay là xã Thạch Yên). Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc cho đến hai năm gần đây vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị D đi làm công nhân ở khu công nghiệp Vân Trung, Bắc Giang, trong khoảng thời gian đó chị có mối quan hệ với người đàn ông khác, sau khi anh phát hiện đã khuyên nhủ, cả họ hàng và bố mẹ hai bên cũng biết và khuyên chị D quay về nhưng chị D vẫn không thay đổi. Hiện tại vợ chồng đang sống ly thân. Nay chị D làm đơn ly hôn quan điểm của anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, cháu lớn tên là Bùi Mạnh Tường sinh ngày 16/12/2011; cháu thứ hai tên là Bùi Khánh Thương, sinh ngày 09/6/2013. Quan điểm của anh T muốn được trực tiếp nuôi hai con, anh chưa đề nghị chị D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản xác minh ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong tại chính quyền địa phương nơi cư trú và gia đình của anh Bùi Văn T có nội dung:*

Chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Yên Lập, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình (nay là xã Thạch Yên). Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống cùng với bố mẹ đẻ của anh T tại xóm Đầy, xã Thạch Yên, huyện Cao Phong. Trong khoảng thời gian

chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc cho đến khoảng năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là trong khoảng thời gian chị D và anh T đi làm công nhân khu công nghiệp giữa hai bên xảy ra cãi vã, gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng cũng không thể hàn gắn, hiện tại chị D và anh T đang sống ly thân.

Tại phiên tòa: Chị Bùi Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Bùi Văn T, chị cho rằng mâu thuẫn chủ yếu dẫn đến việc chị làm đơn xin ly hôn vì không còn tình cảm với anh T, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn, cãi vã, bản thân chị cũng đã cho anh nhiều cơ hội và cố gắng quay lại đoàn tụ gia đình tuy nhiên cuộc sống vẫn không hạnh phúc, mâu thuẫn gia đình hết sức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa giải quyết ly hôn. Anh Bùi Văn T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quan điểm của anh T nếu phải ly hôn anh muốn được trực tiếp nuôi hai con là Bùi Mạnh Tường sinh ngày 16/12/2011 và Bùi Khánh Thương, sinh ngày 09/6/2013, anh chưa yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn. Chị D đồng ý để cho anh T được trực tiếp nuôi hai con vì theo nguyện vọng của các con đều muốn ở với bố, mặt khác chị không muốn thay đổi môi trường học của con, để cho các con vẫn được ổn định chỗ ở, chỗ học.

Về tài sản chung và công nợ chung, không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: Xử cho chị Bùi Thị D được ly hôn anh Bùi Văn T; Về quan hệ con chung: Giao anh T trực tiếp nuôi cháu Bùi Mạnh Tường, sinh ngày 16/12/2011 và Bùi Khánh Thương, sinh ngày 09/6/2013, Anh T chưa đề nghị chị D cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình. Bị đơn là anh Bùi Văn T có hộ khẩu thường trú tại xóm Đầy, xã Thạch Yên, huyện Cao Phong, Hòa Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cao Phong thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy

định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Chị D và anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn T xây dựng gia đình với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Lập, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình (*nay là xã Thạch Yên*). Thời gian đầu chung sống anh chị có hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì hai bên nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, xảy ra cãi vã suốt ngày, đến nay anh chị đều bỏ đi làm ăn xa, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Năm 2021 chị D đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Phong giải quyết ly hôn, sau khi được Tòa án hòa giải vợ chồng đã quay về đoàn tụ gia đình, Tòa án nhân dân huyện Cao Phong ra quyết định đình chỉ vụ án số 04/QĐST- HNGĐ ngày 15/9/2021, sau khi quay về vợ chồng vẫn sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm chăm sóc đến ai.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị D, HĐXX thấy rằng: Trong quá trình giải quyết các bên đương sự đều thừa nhận vợ chồng có rất nhiều mâu thuẫn chị D có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên anh T đã chửi bới, đánh đập, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy: Đời sống vợ chồng giữa chị D và anh T không hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không đạt được, hiện nay chị D và anh T sống ly thân mỗi người một nơi, không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững theo như Luật hôn nhân và gia đình. Việc anh T cho rằng anh vẫn yêu thương vợ con và không muốn ly hôn nhưng không đưa ra được lý do thể hiện vẫn còn yêu thương, chăm sóc vợ, là không có cơ sở để xem xét. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T đã tới mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống không hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ và được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị D và anh T cùng xác định có hai con chung tên là Bùi Mạnh Tường sinh ngày 16/12/2001 và Bùi Khánh Thương, sinh ngày 09/6/2013. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị D và anh T có cùng quan điểm đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, anh T chưa yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn.

Tại Biên bản lấy lời khai của cháu Bùi Mạnh Tường và Bùi Khánh Thương, các cháu đều có nguyện vọng ở với bố vì bố yêu thương và quan tâm đến các cháu, mặt khác từ nhỏ các cháu đã ở với bố, việc tham gia học tập và sinh sống đang ổn định tốt. Bản thân anh T khai báo hiện tại anh đang làm công nhân xây dựng ở các công trình, thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng, đủ khả năng để nuôi con và đảm bảo quyền lợi cho các con. Hiện tại các con đều đang đi học ở Cao Phong nên anh muốn các con ổn định chỗ ở, chỗ học.

Xét thấy yêu cầu của chị D, anh T không trái với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Bùi Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố chị Bùi Thị D được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Mạnh Tường sinh ngày 16/12/2011 và cháu Bùi Khánh Thương, sinh ngày 09/6/2013 cho anh Bùi Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T chưa đề nghị chị D cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn nên chị D chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết

định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình ngày 18/4/2022 theo biên lai thu số 0001704.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện CP;
- Chi cục THADS huyện CP;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO PHONG
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ, ngày 18 tháng 10 năm 2019

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị D, Ông Nguyễn Đức Mạnh.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 38/2018/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 về việc: Tranh chấp ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Dung, sinh năm 1974; Có mặt

Bị đơn: Anh Bùi Văn Nhiên, sinh năm 1973;

Cùng cư trú tại: Xóm Um, xã Yên Thượng, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ các Điều 56,81, 82, 83.....Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị Dung, xử cho chị Bùi Thị Dung được ly hôn với anh Bùi Văn Nhiên.

1.1. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Dung trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thanh Bình, sinh ngày 21/7/2009 và giao cho anh Bùi Văn Nhiên trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Văn Anh sinh ngày 10/3/2004 đến khi các cháu trưởng thành, chưa ai phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung

1.2. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Dung yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về công nợ chung: Các đương sự không nợ các tổ chức tín dụng và cá nhân nào khác.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị Dung phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0001020 ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay ngày niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết:

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 10 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hòa Bình
- TAND tỉnh Hòa Bình
- VKSND huyện Cao Phong
- Công an huyện Cao Phong
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình
- Các bị cáo
- Người bị hại
- THADS huyện Cao Phong
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

